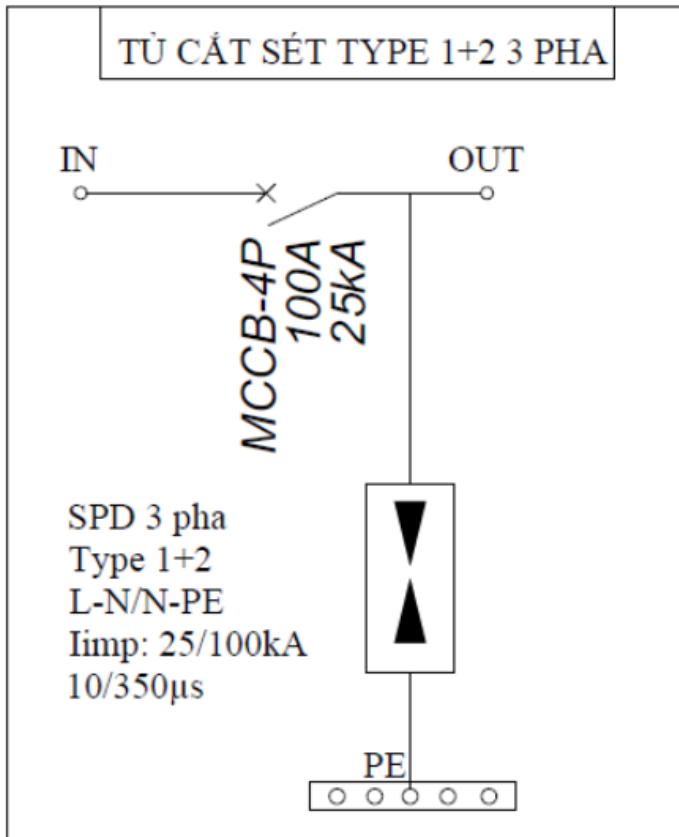


TỦ CẮT SÉT TYPE 1 + TYPE 2 Datasheet



TỦ CẮT SÉT TYPE 1 + TYPE 2 3 PHA

SƠ ĐỒ NGUYÊN LÝ



Nguồn gốc xuất xứ: Việt Nam

Thương hiệu: Naraco

Mã sản phẩm: NRC-TCS-T1+2-3P

Thông số kỹ thuật:

➤ Vỏ tủ

- Đạt chuẩn IP (IP54; IP65; IP66;...)
- Lắp đặt: Treo tường và trên cột
- Độ dày thép mạ kẽm $\geq 1.0\text{mm}$, phủ sơn tĩnh điện màu trắng xám hoặc RAL 7035
- Có khóa cửa tủ
- Có gioăng cao su chống nước vòng quanh mép cánh cửa tủ
- Lỗ cáp vào/ra từ dưới lên trên: 9 lỗ đường kính 40-50mm, kèm gioăng cao su
- Biển tên tủ: “TỦ CẮT SÉT TYPE 1+ TYPE 2 3 PHA”, vật liệu nhôm lắp chính giữa phía trên tại mặt trước của tủ cố định bằng đinh rút tại 4 góc
- Các điểm đấu nối bên trong tủ đều sử dụng đầu cos và chụp đầu cos phân biệt cho từng pha nguồn
- Tem nhãn: dán tem nhãn trên toàn bộ điểm đấu dây, tên thiết bị và chỉ dẫn trên cầu đấu
- Sơ đồ nguyên lý dán decal bên trong cánh tủ
- Bản vẽ 3D: Có (kèm theo)

➤ Cáp điện đấu nối bên trong tủ

- Cáp nguồn:
 - Cáp điện Cu/XLPE/PVC
 - Điện áp danh định: $\geq 600/1000\text{V}$
 - Tiết diện: $\geq 16\text{mm}^2$
 - Tiêu chuẩn: TCVN6612, TCVN 6610/TCVN 5935 hoặc tương đương.
- Cáp tiếp địa:
 - Dây tiếp địa vàng/xanh Cu/PVC
 - Điện áp danh định: $\geq 450/750\text{V}$
 - Tiết diện: $\geq 16\text{mm}^2$
 - Tiêu chuẩn: TCVN6612, TCVN 6610/TCVN 5935 hoặc tương đương.

➤ Cầu đấu

- Dòng điện định mức: 100A
- Vật liệu: đồng mạ thiếc hoặc niken
- Dạng khối
- Đầu được đầu cosse S16-8/SC25-8/SC35-8

➤ Thanh cái/cầu đấu PE

- Vật liệu: đồng mạ thiếc hoặc niken
- Số lượng lỗ: ≥ 3 lỗ để đấu tiếp đất cho SPD và thiết bị
- Đầu được cáp có tiết diện 16-35mm²

➤ Đầu cos và chụp đầu cos

- Chất liệu đầu cốt: Đồng mạ thiếc hoặc niken
- Màu chụp đầu cốt: Màu đỏ, vàng, xanh cho dây pha, màu đen cho dây trung tính, màu vàng cho dây tiếp đất

➤ **MCCB**

- Bảo vệ quá tải và ngắn mạch, tiêu chuẩn IEC 60947-2
- Dòng định mức (In): 100A, 4 cực
- Bảo vệ 100%N với loại 4 cực
- Kiểu làm việc: Bằng tay,
- Kiểu lắp đặt: Plug in
- Điện áp hoạt động (Ue) ≥ 690 VAC
- Tần số danh định (f): 50Hz
- Điện áp cách điện danh định (Ui): ≥ 800 V
- Điện áp chịu xung danh định (Uimp): ≥ 8 kV
- Khả năng cắt dòng ngắn mạch tối đa tại 380/415V (Icu): ≥ 25 kA
- Khả năng cắt ngắn mạch phục vụ (Ics) tại 380/415V: Ics = 100% Icu
- Tuổi thọ cơ khí (số chu kỳ): ≥ 20000
- Tuổi thọ đóng mở điện, tại dòng In với điện áp 415/440V (số chu kỳ): ≥ 8000

➤ **SPD type 1 + type 2**

- Tiêu chuẩn: IEC 61643-11/EN 61643-11
- Công nghệ Spark gap
- Type 1 + Type 2/ Class I + Class II
- Điện áp làm việc bình thường (Un): 230/400V hoặc 240/415VAC
- Điện áp làm việc liên tục lớn nhất (Uc): ≥ 253 VAC
- Khả năng thoát sét tại xung (10/350 μ s) [L- N]/[N-PE] (Iimp): $\geq 25/100$ kA.
- Khả năng thoát xung (8/20 μ s) [L-N]/[N- PE](In): $\geq 25/100$ kA
- Khả năng dập dòng phóng theo [L-N]/[N- PE] (Ifi): ≥ 25 kArms / 100 Arms
- Mức điện áp bảo vệ [L- N] / [N-PE] (Up): ≤ 1.5 kV
- Thời gian đáp ứng xung (ta): ≤ 100 ns
- Khả năng chịu quá áp tạm thời (TOV):
 - + Cho L-N: ≥ 440 VAC/120 phút_withstand
 - + cho N-PE: ≥ 1200 VAC/200 ms_withstand
- Cổng tín hiệu cảnh báo: Tiếp điểm khô
- Cửa sổ cảnh báo trạng thái SPD: Chỉ thị màu trực quan.
- Dải nhiệt độ làm việc: -40oC đến + 70oC hoặc rộng hơn
- IP20
- Kiểu lắp đặt: Gắn trên DIN Rail 35mm
- Năng lượng tồn dư qua MOV S20K275 khi thực hiện bài test về tính phối hợp "Let through energy" theo tiêu chuẩn IEC 61643-12 với dòng xung Iimp 0÷25kA (10/350 μ s): ≤ 151 Jouls
- Cấu hình bảo vệ: (3+1) Đáp ứng L-N, N-PE
- Kiểu đấu nối: Song Song
- Có khả năng đấu cáp nguồn và cáp tiếp địa tiết diện: 16mm² - 35mm²
- Vật liệu vỏ: UL 94 V-0 hoặc tốt hơn

➤ **Phụ kiện:**

- Bộ gá kèm phụ kiện để lắp đặt trên tường và trên cột